

# PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Các trường đại học Việt Nam thực hiện đào tạo tín chỉ sau nhiều nước trên thế giới với khoảng thời gian khá dài và mới thực sự bắt đầu khoảng hơn 20 năm trở lại đây. Việc nghiên cứu để phương thức đào tạo này ngày càng hoàn thiện là đòi hỏi cấp thiết, đặc biệt là về việc đáp ứng nhu cầu của thực tiễn tổ chức đào tạo của các trường đại học hiện nay ở nước ta. Mặc dù đã có những nhận xét, đánh giá về phương thức tổ chức đào tạo tín chỉ ở nước ta, song các ý kiến dường như mới dừng lại theo mức độ của các chuyên gia. Tuy nhiên, áp dụng phương thức đào tạo này với những ưu điểm vượt trội so với phương thức đào tạo theo niên chế và theo các quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở mỗi trường đại học là khác nhau, điều này là phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố mà bài viết chưa có điều kiện để đề cập đến. Bài viết chủ yếu tập trung vào nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản, thực tiễn chương trình đào tạo và tổ chức ĐTTC ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, từ đó đề xuất một số khuyến nghị đối với Nhà trường để ngày càng hoàn thiện hơn việc áp dụng phương thức ĐTTC của Nhà trường giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Đào tạo, học phần, phương thức, tín chỉ, trường đại học.

Nhận bài ngày 10.04.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 30.7.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hồng ; Email: nthong@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín chỉ đã được sử dụng vào đào tạo bậc đại học từ lâu trên thế giới. “Tín chỉ” là khái niệm lần đầu tiên xuất hiện và bắt đầu triển khai và áp dụng ở các trường trung học phổ thông Hoa Kỳ và bắt đầu được ứng dụng ở cấp độ đại học vào năm 1872. Phương thức đào tạo theo tín chỉ ra đời ở thời điểm đó được cho là nhằm đáp ứng mong muốn của bản thân hệ thống giáo dục, cũng như các cá nhân và tổ chức bên ngoài nhà trường [1]. Tại thời điểm này, Đại học Harvard quyết định thay thế chương trình đào tạo (CTĐT) cứng nhắc bằng một chương trình mềm dẻo được cấu thành với các mô đun mà sinh viên (SV) có thể lựa chọn một cách rộng rãi. Mỗi mô đun là một phần khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, gồm ít nhất 3 tín chỉ trở lên. Trong đó, tín chỉ mang nghĩa là sau một khóa học, hay một quá trình học tập, người học đạt được một trình độ, năng lực đáng để tin cậy. Theo quan niệm của Mỹ và một số nước, tín chỉ là khối lượng học tập gồm 15 – 18 tiết học lý thuyết (mỗi tiết 50 phút) hoặc bằng 45 - 54 tiết thực tập thí nghiệm đi thực địa, vẽ, nhạc, thực hành nghệ thuật, thể dục,... và để chuẩn bị cho một tiết lên lớp, sinh viên phải bỏ ra ít nhất 2 giờ làm việc ở ngoài lớp. Sau đó, ĐTTC nhanh chóng được các trường đại học của nhiều quốc gia, gồm cả nước phát triển và các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Để đạt được bằng cử nhân (Bachelor), SV thường phải tích lũy đủ 120 – 130 tín chỉ (Mỹ), 120 – 135 tín chỉ (Nhật Bản), 120 – 150 tín chỉ (Thái Lan), 120 – 150 tín chỉ (Việt Nam). Để đạt bằng thạc sĩ (Master), SV phải tích lũy 30 – 36 tín chỉ (Mỹ), 30 tín chỉ (Nhật Bản), 36 tín chỉ (Thái Lan),...[2].

Đối với các nước thực hiện giáo dục khai phóng (Mỹ, các nước châu Âu,...), vào đầu mỗi học kì, SV được đăng kí các môn học thích hợp với năng lực, hoàn cảnh của họ và phù

hợp với quy định chung nhằm đạt được kiến thức theo một chuyên môn học rộng rãi, SV có thể ghi tên học các môn liên ngành nếu họ thích. SV không chỉ giới hạn học các môn chuyên môn học khác lĩnh vực, chẳng hạn SV các ngành Khoa học tự nhiên và kỹ thuật vẫn cần phải học một số môn Khoa học xã hội, Nhân văn và ngược lại.

Về kết quả học tập, ĐTTC dùng phương pháp đánh giá thường xuyên và dựa vào sự đánh giá đó đối với các môn học để cấp bằng cử nhân. Đối với các CTĐT sau đại học (cao học và tiến sĩ), ngoài các kết quả đánh giá thường xuyên còn có các kì thi tổng hợp và các luận văn và luận án.

Như vậy, ĐTTC là phương thức đào tạo tiên tiến, cho phép người dạy và người học chủ động hơn và việc đánh giá kết quả được sát thực tế, hạn chế tình trạng dạy và học theo lối kinh viện. Phương thức đào tạo này lấy người học làm trung tâm, nên tạo điều kiện cho người học phát huy nhiều nhất các kỹ năng tự chủ và tính năng động, sáng tạo trong quá trình học tập. Đầu thế kỉ XX, ĐTTC được áp dụng rộng rãi trong hầu hết các trường đại học ở Mỹ. Tiếp theo đó, nhiều nước lần lượt áp dụng ĐTTC trong hệ thống các trường đại học.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Các khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Đào tạo

Đào tạo là một khái niệm cơ bản trong nguồn phát triển nguồn nhân lực, liên quan đến việc phát triển một kỹ năng, năng lực từ cơ bản cho đến một tiêu chuẩn nhất định bằng cách hướng dẫn và thực thi trên thực tế. Đào tạo là khái niệm cốt lõi và là một trong những hoạt động cơ bản của quản lý trong một trường đại học. Theo tác giả Nguyễn Lộc [3], đào tạo là một chuỗi các hoạt động đưa ra cơ hội để học hỏi và hoàn thiện các kỹ năng liên quan đến công việc. Khái niệm đào tạo thường áp dụng cho việc đào tạo ban đầu kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp đối với người học.

Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng, *đào tạo là một phương thức giáo dục dành cho người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông ở trường đại học nhằm giúp họ có được kiến thức và trình độ chuyên môn, các phẩm chất nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc sau khi tốt nghiệp.*

#### 2.1.2. Tín chỉ

Hiện nay, có khoảng hơn 60 định nghĩa về tín chỉ theo các phương diện khác nhau như: khía cạnh định tính, khía cạnh định lượng, có định nghĩa nhấn mạnh vào chuẩn đầu ra của sinh viên, có định nghĩa lại nhấn mạnh vào các mục tiêu của một CTĐT,...

Chúng tôi sử dụng theo khái niệm tín chỉ được sử dụng tại ĐHQG Hà Nội, *Tín chỉ hay tín chỉ học tập là đại lượng dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng của một môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định thông qua các hình thức: (1) học tập trên lớp; (2) học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác (có sự hướng dẫn của giảng viên); và (3) tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài,..* Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng lao động của người học trong một khoảng thời gian nhất định trong những điều kiện học tập tiêu chuẩn [4].

#### 2.1.3. Phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học

Như vậy, trên cơ sở của hai khái niệm trên, *Đào tạo theo tín chỉ (ĐTTC)* là phương thức tổ chức đào tạo cho phép sinh viên (SV) đạt được văn bằng đại học qua việc tích lũy các loại tri thức giáo dục khác nhau và được đo lường bằng một đơn vị xác định gọi là tín chỉ (credit). Với ý nghĩa phương thức là cách thức tổ chức hay cách thức hành động, *phương thức ĐTTC là cách thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ của trường đại học nhằm giúp*

*sinh viên có được kiến thức và trình độ chuyên môn, các phẩm chất nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc việc sau khi tốt nghiệp.*

## **2.2. Đặc điểm cơ bản, ưu điểm và hạn chế của phương thức đào tạo theo tín chỉ ở trường đại học**

### **2.2.1. Đặc điểm cơ bản của ĐTTC**

Chúng tôi cho rằng, ĐTTC có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Về hình thức, phương pháp: ĐTTC không giới hạn thời gian học tập, SV phải tích lũy khối lượng kiến thức định sẵn, khi nào tích lũy xong thì đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường. Căn cứ vào chương trình chung được xây dựng với quy định số ít chỉ tối thiểu cần đạt được, SV có thể đăng kí một lịch học phù hợp với mình. SV không phải thi cuối năm, thi tốt nghiệp hay làm luận văn tốt nghiệp, chỉ cần hoàn thành số tín chỉ cần thiết của chương trình trong một thời gian thuận lợi nhất cho mình. Vì vậy, kế hoạch giảng dạy phải được bố trí một cách khoa học, hết sức chính xác và được thực hiện một cách nghiêm ngặt.

- Về nội dung: chương trình ĐTTC được xây dựng một cách mềm dẻo, cùng với các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn (cho phép SV dễ dàng điều chỉnh ngành nghề, hình thức đào tạo).

- Về quản lý SV: không có giáo viên chủ nhiệm mà thay vào đó là cố vấn học tập (CVHT) tại các đơn vị đào tạo để giúp SV lựa chọn, đăng kí các học phần đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện, khả năng của họ.

- Song một nguyên tắc quan trọng của ĐTTC là đào tạo theo trình độ thực tế của người học và chất lượng giảng dạy của người dạy sẽ là yếu tố quyết định sự lựa chọn của SV đăng kí theo học môn học.

### **2.2.2. Ưu điểm và hạn chế của ĐTTC**

(i) Ưu điểm:

- ĐTTC có hiệu quả đào tạo cao, bởi phương thức đào tạo này cho phép sự chủ động thiết kế kế hoạch học tập và lựa chọn kiến thức tiến độ học tập phù hợp với khả năng, sở trường và hòa cảnh riêng của người học. Điều đó, đảm bảo cho quá trình đào tạo trong các trường đại học trở nên mềm dẻo, linh hoạt, đồng thời, cũng tạo khả năng cho việc thiết kế chương trình liên thông giữa các cấp đào tạo đại học và giữa các ngành đào tạo khác nhau. ĐTTC cho phép ghi nhận cả những kiến thức và khả năng mà SV tích lũy được ngoài trường lớp để dẫn tới văn bằng, khuyến khích SV từ nhiều địa điểm khác nhau có thể tham gia học đại học một cách thuận lợi. Về phương diện này, có thể nói ĐTTC là một trong những công cụ quan trọng để chuyển từ nền đại học mang tính minh họa thành nền đại học mang tính đại chúng.

- ĐTTC có tính mềm dẻo và khả năng thích ứng cao. Bởi lẽ, với việc ĐTTC, SV có thể chủ động ghi tên học các học phần khác nhau dựa theo những quy định chung về cơ cấu và khối lượng của từng lĩnh vực kiến thức; cho phép SV dễ dàng thay đổi ngành chuyên môn trong tiến trình học tập khi thấy cần thiết mà không phải học tại từ đâu. Về phía các trường đại học, có thể mở thêm ngành học mới một cách dễ dàng khi nhận được tín hiệu về nhu cầu của thị trường lao động và tình hình lựa chọn ngành, nghề của SV. ĐTTC cũng cung cấp cho các trường ĐH một ngôn ngữ chung, tạo thuận lợi cho SV khi cần có thể chuyển trường cả trong nước cũng như ngoài nước.

- ĐTTC đạt hiệu quả cao về mặt quản lý và giảm giá thành đào tạo, vì kết quả học tập của SV được tính theo từng học phần, chứ không phải theo học năm học, do đó, việc hỏng một học phần nào đó không cản trở quá trình học tiếp tục, SV không bị buộc phải quay lại học từ đầu. Chính vì vậy, giá thành đào tạo theo tín chỉ thấp hơn so với đào tạo theo niên chế. Nếu triển khai ĐTTC, các trường đại học lớn, đa lĩnh vực có thể tổ chức những môn học chung cho SV nhiều trường, nhiều khoa, tránh được sự trùng lặp các môn học ở nhiều nơi; ngoài ra, SV có thể học những môn học lựa chọn ở các khoa khác nhau. Cách tổ chức

nói trên cho phép sử dụng được đội ngũ giảng viên giỏi nhất và phương tiện tốt nhất cho từng môn học. Kết hợp với ĐTTC, các trường đại học có thể tổ chức thêm những kì thi đánh giá kiến thức và kỹ năng của người học hoặc bằng những con đường tự học để cấp cho họ một tín chỉ tương đương, điều này tạo thêm cơ hội cho họ đạt được văn bằng đại học. Ở Mỹ, đã có trên một nghìn trường đại học chấp nhận cung cấp tín chỉ cho những kiến thức và kỹ năng mà người học tích lũy được ở bên ngoài nhà trường.

(ii) Bên cạnh đó, ĐTTC cũng có những nhược điểm của nó

- Cắt vụn kiến thức, phần lớn các học phần trong ĐTTC được quy định tương đối nhỏ, cỡ 3 hoặc 4 tín chỉ. Do đó, không đủ thời gian để trình bày kiến thức thật sự theo một trình tự diễn biến liên tục, từ đó gây ấn tượng kiến thức bị cắt vụn.

- Khó tạo nên sự gắn kết trong SV, do các lớp học theo học phần không ổn định, khó xây dựng một tập thể gắn kết chặt chẽ như các lớp theo khóa học nên tổ chức sinh hoạt đoàn thể của SV có thể gặp khó khăn. Chính vì vậy, ĐTTC là việc “khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, không coi trọng tính cộng đồng”. Khó khăn này là một nhược điểm thực sự của ĐTTC.

Có thể nói, ĐTTC là một phương thức đào tạo tiên tiến, nhưng để đạt được hiệu quả của phương thức đào tạo này đòi hỏi giảng viên phải thay đổi cách dạy, SV phải thay đổi cách học và nhà trường phải thay đổi cách quản lý [5].

Dưới đây là bảng so sánh phương thức đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế.

*Bảng 1: So sánh phương thức đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế*

TT	Phương thức đào tạo theo tín chỉ	Phương thức đào tạo theo niên chế
1	Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng học phần, cho phép SV tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện CTĐT theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo	Là phương thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của CTĐT trong toàn khóa học, cho phép SV cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại
2	SV không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy	SV được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng kí học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong CTĐT
3	SV không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong CTĐT	SV được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng SV khóa sau để học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong CTĐT

### 2.3. ĐTTC là xu hướng tất yếu của giáo dục đại học Việt Nam

Ngày 11 tháng 1 năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization – WTO) và một ngày sau, những quyền và nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách là thành viên đầy đủ của WTO được thực thi. Khi gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết thực hiện Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (General Agreement on Trade in Services - GATS) đối với 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục và đào tạo (GD&ĐT). Dịch vụ GD&ĐT bao gồm các phân ngành là dịch vụ

GD&ĐT tiểu học, dịch vụ GD&ĐT trung học, dịch vụ GD&ĐT đại học. Cam kết thực hiện GATS đặt ngành GD&ĐT Việt Nam trước quá trình toàn cầu hóa cần phải có đổi mới và sự dịch chuyển xuyên biên giới của các nhân tố: người học, người dạy, chương trình và nhà cung ứng để đáp ứng dịch vụ GD&ĐT trong nước và thế giới [6].

Đào tạo là hoạt động trọng tâm của môi trường đại học, đòi hỏi luôn có sự phát triển của trình đào tạo (CTĐT) và các điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện CTĐT như: đội ngũ quản lý giáo dục, đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ, các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, cơ sở thực hành, thực tập,... để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực lao động cho các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trong khu vực, trong nước và thế giới.

Thời đại công nghiệp 4.0 đặt ra các yêu cầu cho trường đại học vừa là cái nôi của tư duy sáng tạo và đổi mới, tư duy đột phá, tư duy chiến lược vừa là nơi cung cấp nguồn lực tư duy sáng tạo và đổi mới, tư duy đột phá, tư duy chiến lược và mang tính cạnh tranh cao. Điều này cũng có nghĩa đòi hỏi trường đại học phải đào tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu đặt ra của thị trường lao động xã hội và thế giới.

Điều 61 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã nêu rõ: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; Nhà nước ưu tiên đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học; giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng; học phí hợp lý,...” [7].

Bộ GD&ĐT đã ban hành các văn bản về ĐTTC như: Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [8]; Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 “sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” [9]; và gần đây nhất là Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [10]. Trên cơ sở các văn bản pháp lý này, các trường đại học và cao đẳng trên cả nước đã chuyển dần từ đào tạo niên chế sang ĐTTC.

Ở nước ta, ĐTTC được hiểu là một trong những phương thức tổ chức đào tạo trình độ đại học. ĐTTC: a) là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép SV tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện CTĐTCTĐT theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo; b) SV không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy; c) SV không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong CTĐT [10].

Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT đã có nhiều sự thay đổi theo thời gian và sự phát triển của đất nước. Năm 2021, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ đại học quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học [10], bao gồm: CTĐT và thời gian học tập; hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với SV. Quy chế này áp dụng đối với các đại học, học viên, trường đại học; trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học (sau đây gọi là cơ sở đào tạo), các tổ chức cá nhân liên quan trong đào tạo theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học. Các CTĐT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo được áp dụng Quy chế này

hoặc quy định của cơ sở đào tạo cấp bằng theo thỏa thuận liên kết, hợp tác giữa các bên nhưng không trái với quy định của Quy chế này.

CTĐT và thời gian học tập trình độ đại học được quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- CTĐT được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần, trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính – ngành phụ, CTĐT phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành

- Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác nhau hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong CTĐT trước.

- CTĐT phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho SV.

- Đối với mỗi hình thức đào tạo, CTĐT cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho SV; thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số SV hoàn thành CTĐT;

- Thời gian tối đa để SV hoàn thành khóa học được quy định trong quy chế của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại.

## **2.4. Các khuyến nghị về tổ chức ĐTTC của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội**

### **2.4.1. Giới thiệu về ĐTTC của Trường ĐHTĐ Hà Nội**

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội bắt đầu đào tạo trình độ đại học từ năm học 2015 - 2016 khi chuyển đổi từ mô hình Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội. Hiện Nhà trường đang tổ chức đào tạo 29 ngành trình độ đại học chính quy (và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học khác) đối với các lĩnh vực chính về: 1) Sư phạm - Đào tạo giáo viên; 2) Văn hoá và Du lịch; 3) Kinh tế; 4) Khoa học Xã hội và Nhân văn. Việc tổ chức đào tạo theo tín chỉ được thực hiện đối với tất cả 29 ngành đào tạo, theo quy định chung của Bộ GD&ĐT (như đã đề cập ở trên) và Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường ĐHTĐ Hà Nội theo Quyết định số 717/QĐ-ĐHTĐHN ngày 21/7/20221 của Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ Hà Nội.

Một số nội dung cơ bản của ĐTTC được quy định tại Quyết định số 717/QĐ-ĐHTĐHN như sau [11]:

“Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập, mục 1: a) Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với một trình độ đào tạo của giáo dục đại học là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được ở trình độ đào tạo đó, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

b) Đối với những ngành có thời gian đào tạo 04 năm, khối lượng học tập tối thiểu là 120 tín chỉ. Đối với những ngành có thời gian đào tạo 05 năm hoặc 06 năm, khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu tương ứng là 150 hoặc 180 tín chỉ.

c) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15

giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

d) Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập”.

“Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

Trường áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa và các hình thức đào tạo:

1. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo”.

“Điều 23. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và chứng chỉ Giáo dục Thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp của sinh viên do đơn vị đào tạo tổng hợp và gửi cho phòng QLĐT&CTHSSV trong trường hợp sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Trường được Hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng từ thời điểm có quyết định công nhận tốt nghiệp.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Giáo dục Thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin hoặc những học phần có điểm đánh giá không phân mức (được quy định trong chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo) trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

6. Trường tổ chức xét tốt nghiệp ít nhất 03 lần/năm học, dự kiến vào các thời điểm kết thúc học kì 1, học kì 2, học kì 3 của năm học. Ngoài các thời điểm nêu trên, căn cứ nhu cầu của sinh viên do các đơn vị đào tạo tổng hợp gửi về, Trường sẽ tổ chức xét tốt nghiệp bổ sung vào thời điểm thích hợp do Hiệu trưởng quyết định.

7. Sinh viên hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học (nếu có) của Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này”.

#### **2.4.2. Đề xuất các khuyến nghị về việc tổ chức Đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội**

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi có đề xuất một số khuyến nghị về việc tổ chức ĐTTC của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sau đây:

a) Nội dung kiến thức các học phần của chương trình ĐTTC do Nhà trường xây dựng còn tương đối nhỏ, hầu hết các học phần có dung lượng là 02 tín chỉ và chỉ một số ít học phần có dung lượng là 03 tín chỉ. Điều này chưa thực sự phản ánh đúng quan niệm về dung lượng của một học phần theo ĐTTC khi tổ chức đào tạo học phần giảng viên không đủ thời gian để trình bày kiến thức thật sự theo một trình tự diễn biến liên tục, hệ thống, lô gic. SV sẽ gặp nhiều khó khăn trong kết nối nội dung kiến thức giữa các học phần trong CTĐT. Do đó, CTĐT của Nhà trường cần điều chỉnh CTĐT theo hướng xác định các học phần cốt lõi, tăng thời lượng cho những học phần này, bảo đảm 03 tín chỉ.

b) Tăng số lượng học phần tự chọn trong CTĐT, giảm số lượng học phần bắt buộc. Điều này đòi hỏi việc tổ chức ĐTTC cần có kế hoạch hết sức linh hoạt song chi tiết, cụ thể và hiệu quả, đạt chất lượng đào tạo mong muốn của Nhà trường, người học, gia đình, đơn vị sử dụng lao động, xã hội.

c) Xây dựng mạng lưới liên kết trong ĐTTC, đặc biệt là sự hỗ trợ của các chuyên gia (không cứng nhắc đáp ứng yêu cầu về bằng cấp), các cơ sở thực hành, thực tập.

d) ĐTTC ở nước ta chỉ được tổ chức thực hiện ở trường đại học, không giống như các nước trên thế giới phương thức này được thực hiện từ trường phổ thông, ngay khi học sinh đến trường. Vì vậy, SV khi mới vào học ở trường đại học có rất nhiều ngỡ ngàng và thực sự cần có một đội ngũ giảng viên, nhân viên của trường đại học hỗ trợ từ khi các em mới nhập học cho đến khi tốt nghiệp ra trường.

đ) Với sự linh hoạt, đa dạng và đề cao vai trò tự chủ của SV trong học tập, nghiên cứu khoa học khi thực hiện phương thức ĐTTC, mô hình cấu trúc lớp học của SV bị phá vỡ. Vì vậy, vai trò của Hội sinh viên, Đoàn Thanh niên và các tổ chức xã hội khác có ý nghĩa rất quan trọng để góp phần bảo đảm chất lượng và hiệu quả của ĐTTC của Nhà trường.

### **3. KẾT LUẬN**

ĐTTC được thực hiện ở các trường đại học trên thế giới với bề dày lịch sử, tuy nhiên mới được triển khai ở Việt Nam khoảng 20 năm trở lại đây. Những nghiên cứu đánh giá về phương thức ĐTTC ở các trường đại học nước ta mới chỉ dừng lại ở một số ý kiến chuyên gia cũng như một số báo cáo tổng kết của một số trường đại học khi thực hiện thí điểm hoặc thực hiện theo các quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT.

Nội dung bài viết đề cập đến một số kết quả nghiên cứu lý luận, đồng thời, phân tích các đặc điểm, những ưu điểm, hạn chế của phương thức ĐTTC, liên hệ với thực tiễn ĐTTC

của Trường ĐHTĐ Hà Nội. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị cho việc thực hiện ĐTTC ở Trường ĐHTĐ Hà Nội nhằm ngày càng hoàn thiện phương thức đào tạo này, đáp ứng ngày càng có chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực được đào tạo của Nhà trường đối với nhu cầu người học, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Shedd J.M (2003), *The history so student credit hour, New directions for higher education*, 122, Sum Hiley, Periodical, Inc.
2. Lâm Quang Thiệp (2006), *Việc áp dụng học chế tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam*, Hà Nội.
3. Nguyễn Lộc (chủ biên) (2009), *Cơ sở lý luận quản lý trong tổ chức giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Hoàng Văn Vân (2006), *Phương thức đào tạo theo tín chỉ: Lịch sử, bản chất và những hàm ý cho phương pháp dạy – học ở bậc đại học*, ĐHQG Hà Nội.
5. Lê Hồng Yên (2009), Đào tạo theo tín chỉ một phương thức đào tạo tiên tiến, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 166 (11-2009).
6. Hoàng Thị Tuyết (2007), WTO với vấn đề giáo dục và đào tạo đại học ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính*, số 06 (47). - 2007
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT*, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học*, Hà Nội.
11. Trường ĐHTĐ Hà Nội (2021), *Quyết định số 717/QĐ-ĐHTĐHN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường ĐHTĐ Hà Nội*, Hà Nội.

### CREDIT TRAINING METHOD AT UNIVERSITY AND RECOMMENDATIONS FOR HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

**Abstract:** Vietnamese universities have implemented credit training method after many countries in the world for a long time and have only really started for the last 20 years. Researches to improve this training method are urgent requirements, especially to meet the needs of the current training organization of universities in the country. Although there have been comments and assessments on the credit training method in our country, the opinions seem to have stopped at the level of experts and lesson learnt from the reality. However, applying this training method with outstanding advantages compared to the training method of the year system and according to the general regulations of the

*Ministry of Education and Training is different from university to university and, this depends on many factors that the article has not had the opportunity to mention.*

*The article mainly focuses on studying some basic theoretical issues, practical training programs and organization of credit training at Hanoi Capital University, from which some recommendations are proposed for the University to further improve the application of credit training methods of the University at the present stage.*

**Keywords:** *Training, course, method, credit, university.*